TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1500/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Thanh.

Bà Lê Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1170/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2024 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1979; Địa chỉ: Trần Bá G, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Q, sinh năm 1988; Nơi cư trú cuối cùng: 104/4C Trần Bá G, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn G trình bày:

Ông G và bà Q chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống có một con chung là Hoàng Văn T, sinh ngày 24/04/2011. Từ khi kết hôn, ông G và bà Q chung sống tại nhà số Trần Bá G, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thẫn, đến năm 2020 bà Q bỏ nhà đi ông G đã tìm kiếm nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về bà Q. Ông cũng đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc tuyên bố bà Q mất tích và đã đăng trên báo, đài phát thanh để tìm kiếm bà Q nhưng vẫn không có tin tức gì của bà Q.

Ngày 06/9/2024 Tòa án nhân dân quận G đã ra Quyết định số 831/2024/QĐST-DS, tuyên bố bà Nguyễn Thị Bích Q, sinh năm 1988; Nơi cư trú cuối cùng: Trần Bá G, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh đã mất tích.

Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết cho ông được ly hôn với bà Q.

Về con chung: Ông G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Hoàng Anh T.

Về tài sản chung, nợ chung ông G khai không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Q đã bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên bố là mất tích, do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q của Tòa án:

Ông Hoàng Văn G xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Q, đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Q có nơi cư trú cuối cùng là quận G, do đó, vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân quận G theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn ông G vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Q đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G, bà Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Theo Giấy trích lục kết hôn số 960 do Ủy ban nhân dân phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2023, thì ông Hoàng Văn G và bà Nguyễn Thị Bích Q đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh vào ngày 02/8/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Quyết định giải quyết việc dân sự số 831/2024/QĐST-DS, ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân quận G, thì bà Nguyễn Thị Bích Q đã mất tích. Ông G yêu cầu ly hôn với bà Q thuộc trường hợp xin ly hôn với người bị Tòa án tuyên bố mất tích.

Theo khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*.

Như vậy, yêu cầu ly hôn của ông G đối với bà Q là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Anh T, sinh ngày 24/4/2011 cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Q đã mất tích nên ông G không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông G khai không có nên không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng ông G chịu.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Hoàng Văn G đối với bà Nguyễn Thị Bích Q.

-Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn G được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Q (Giấy đăng ký kết hôn số 130 do Ủy ban nhân dân phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh cấp cho ông G, bà Q ngày 02/8/2010 không còn giá trị).

- Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Anh T, sinh ngày 24/4/2011 cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà Q đã mất tích nên ông G không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông G chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí ông G đã nộp theo biên lai số 0014527 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông G đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND Tp.HCM;
-VKSND q.G;
-CCTHADS q.G;
- UBND p5, q.G;
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Tô Văn Mạnh